

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiến	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18/7/2016)
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuấn	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 76 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc

Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600

Fax: +84 4 3946 1601

www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến 76.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 306 tỷ VND trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 152 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty TNHH Coats Phong Phú là 154 tỷ VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 78 tỷ VND), đang được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng như phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho các kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Coats Phong Phú. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu các điều chỉnh đối với các số liệu này có thể là cần thiết nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh 29(a) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 364.061 triệu VND (1/1/2016: 369.532 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.



Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Vấn đề nhấn mạnh này không liên quan đến kết luận soát xét ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-124-HN



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2016

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.029.674.942.246	9.271.733.675.706
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	2.446.938.741.369	2.472.432.913.255
Tiền	111		501.619.999.165	590.333.971.499
Các khoản tương đương tiền	112		1.945.318.742.204	1.882.098.941.756
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		221.820.007.286	301.120.832.500
Chứng khoán kinh doanh	121		-	60.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11(a)	221.820.007.286	301.060.832.500
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.100.506.396.720	3.282.048.883.299
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	2.100.101.607.492	2.238.223.471.110
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		602.752.028.891	433.645.958.970
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	215.129.708.302	201.879.168.302
Phải thu ngắn hạn khác	136	14(a)	553.495.200.991	733.613.795.186
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(371.899.766.319)	(325.943.716.677)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		927.617.363	630.206.408
Hàng tồn kho	140	16	2.846.742.668.615	2.833.378.134.133
Hàng tồn kho	141		2.886.554.710.055	2.874.036.790.784
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(39.812.041.440)	(40.658.656.651)
Tài sản ngắn hạn khác	150		413.667.128.256	382.752.912.519
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	22(a)	25.511.276.145	22.994.230.608
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		347.342.615.755	345.073.774.304
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	26(a)	28.776.852.729	14.379.634.977
Tài sản ngắn hạn khác	155		12.036.383.627	305.272.630

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.320.886.371.440	9.538.769.924.584
Các khoản phải thu dài hạn	210		541.100.197.653	585.474.923.940
Phải thu về cho vay dài hạn	215		7.320.286.359	6.859.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	14(b)	533.779.911.294	578.615.923.940
Tài sản cố định	220		5.179.430.884.521	4.726.268.318.378
Tài sản cố định hữu hình	221	17	4.987.291.722.715	4.547.292.417.355
<i>Nguyên giá</i>	222		10.167.778.642.004	9.524.976.809.545
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.180.486.919.289)	(4.977.684.392.190)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	18	59.294.921.497	63.085.606.759
<i>Nguyên giá</i>	225		77.869.150.876	77.869.150.876
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(18.574.229.379)	(14.783.544.117)
Tài sản cố định vô hình	227	19	132.844.240.309	115.890.294.264
<i>Nguyên giá</i>	228		158.472.892.733	139.714.166.423
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25.628.652.424)	(23.823.872.159)
Bất động sản đầu tư	230	20	252.435.280.299	137.122.569.411
<i>Nguyên giá</i>	231		280.957.073.499	162.031.019.056
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(28.521.793.200)	(24.908.449.645)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.626.506.340.972	1.588.289.306.866
Xây dựng cơ bản dở dang	242	21	1.626.506.340.972	1.588.289.306.866
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.158.460.437.014	1.993.460.437.532
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	11(b)	1.818.094.085.788	1.648.681.034.451
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11(b)	367.873.248.440	371.556.535.617
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11(b)	(27.511.897.214)	(26.782.132.536)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11(a)	5.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		562.953.230.981	508.154.368.457
Chi phí trả trước dài hạn	261	22(b)	518.128.248.932	461.209.582.886
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	23	11.948.929.936	12.818.658.533
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	869.753.783
Lợi thế thương mại	269	24	32.294.693.180	33.256.373.255
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		19.350.561.313.686	18.810.503.600.290

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.030.907.805.888	11.477.592.278.042
Nợ ngắn hạn	310		6.922.449.766.126	6.841.976.024.142
Phải trả người bán ngắn hạn	311	25	978.151.652.617	1.203.491.557.996
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		81.506.915.336	72.828.899.328
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	26(b)	72.525.146.578	101.968.149.707
Phải trả người lao động	314		332.058.248.682	561.035.504.008
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27(a)	191.500.369.907	188.889.816.832
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	28	10.749.397.318	6.833.858.515
Phải trả ngắn hạn khác	319	29(a)	967.750.102.732	684.215.591.558
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	30(a)	4.135.681.686.370	3.884.716.676.655
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	31	2.157.715.946	4.717.381.547
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	32	150.368.530.640	133.278.587.996
Nợ dài hạn	330		5.108.458.039.762	4.635.616.253.900
Phải trả người bán dài hạn	331	25	21.780.241.292	21.780.241.292
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		56.476.284.944	33.983.303.750
Chi phí phải trả dài hạn	333	27(b)	27.256.575.822	28.794.411.822
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	28	229.075.128.930	110.715.995.720
Phải trả dài hạn khác	337	29(b)	55.233.772.730	55.439.098.840
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	30(b)	4.556.186.064.295	4.221.370.382.990
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	45.179.184.745	46.007.444.456
Dự phòng phải trả dài hạn	342	31	117.065.560.797	117.290.115.751
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		205.226.207	235.259.279

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	33	7.319.653.507.798	7.332.911.322.248
Vốn chủ sở hữu	410		7.279.698.220.109	7.291.482.698.813
Vốn cổ phần	411	34	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.231.586.138	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(743.894.781.042)	(748.765.581.042)
Quỹ đầu tư phát triển	418	36	458.978.586.872	421.021.002.398
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.033.326.792	10.944.352.367
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		384.758.692.275	563.486.264.926
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		238.408.387.065	147.491.675.907
- LNST chưa phân phối kỳ/năm nay	421b		146.350.305.210	415.994.589.019
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	37	551.672.929.341	497.352.336.562
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.545.006.228.841	1.475.284.041.971
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		39.955.287.689	41.428.623.435
Nguồn kinh phí	431		3.375.637.339	3.004.072.271
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		36.579.650.350	38.424.551.164
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		19.350.561.313.686	18.810.503.600.290

Ngày 30 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2016****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	39	7.123.502.633.192	7.212.891.922.165
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	39	11.603.969.319	10.901.005.462
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	39	7.111.898.663.873	7.201.990.916.703
Giá vốn hàng bán	11	40	6.287.969.761.952	6.302.075.500.851
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		823.928.901.921	899.915.415.852
Doanh thu hoạt động tài chính	21	41	149.482.774.078	243.577.425.310
Chi phí tài chính	22	42	267.006.923.751	304.639.588.025
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>175.604.847.256</i>	<i>167.874.041.685</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		257.162.263.078	227.745.141.193
Chi phí bán hàng	25	43	221.607.885.527	303.146.529.788
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	44	431.760.480.647	478.111.563.302
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		310.198.649.152	285.340.301.240
Thu nhập khác	31	45	32.655.077.251	46.386.025.835
Chi phí khác	32	46	14.670.826.036	38.759.451.168
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		17.984.251.215	7.626.574.667
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		328.182.900.367	292.966.875.907
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	48	25.062.448.985	36.376.037.757
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	48	41.468.886	27.694.617.347
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		303.078.982.496	228.896.220.803

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang từ trang trước)	60		303.078.982.496	228.896.220.803
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		157.498.096.453	174.630.161.397
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		145.580.886.043	54.266.059.406
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	49	315	349

Ngày 30 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân
Kế toán trưởngLê Tiến Trường
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		328.182.900.367	292.966.875.907
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		317.317.640.910	284.116.109.085
Các khoản dự phòng	03		47.332.244.679	132.317.484.214
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(8.461.107.119)	41.381.710.661
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(312.555.353.484)	(390.052.244.214)
Chi phí lãi vay	06		175.604.847.256	167.874.041.685
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		547.421.172.609	528.603.977.338
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(184.473.168.950)	(140.325.225.058)
Biến động hàng tồn kho	10		(24.095.886.341)	(248.144.690.463)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(17.865.142.456)	(21.280.766.000)
Biến động chi phí trả trước	12		(48.651.461.903)	(23.994.094.531)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		60.000.000	10.602.232.451
			272.395.512.959	105.461.433.737
Tiền lãi vay đã trả	14		(146.317.109.605)	(146.273.090.088)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.236.419.898)	(27.246.152.490)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		59.173.678.311	100.404.001.471
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(42.158.525.420)	(342.292.474.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		114.857.136.347	(309.946.282.248)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.200.389.548.036)	(771.848.049.246)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		18.745.211.932	9.759.994.081
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(96.309.474.786)	(463.779.207.775)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		161.838.473.641	175.611.432.559
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.240.057.130)	(34.210.196.770)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		81.511.353.865	58.937.432.528
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		356.191.895.087	338.039.675.159
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong kỳ		9	1.653.135.656	445.908.445.158
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(679.999.009.771)	(241.580.474.306)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		27.471.554.000	25.851.656.100
Tiền thu từ đi vay	33		8.253.687.272.772	9.936.744.853.520
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.618.604.032.812)	(8.790.955.734.328)
Tiền trả cổ tức	36		(122.907.092.422)	(75.489.864.155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		539.647.701.538	1.096.150.911.137
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(25.494.171.886)	544.624.154.583
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.472.432.913.255	2.544.719.495.496
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	10	2.446.938.741.369	3.089.343.650.079

Ngày 30 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị: kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có 53 công ty con và 36 công ty liên kết (1/1/2016: 52 công ty con và 37 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	17	Xem phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	36	Xem phụ lục 2
	53	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	35	Xem phụ lục 3
Các công ty liên kết của Tập đoàn không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không trọng yếu.	1	Xem phụ lục 4
	36	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có 36.258 nhân viên (1/1/2016: 36.674 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 thay vì ngày 29 tháng 1 năm 2015, ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu, như theo các quy định hiện hành do theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí trực tiếp khác.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(vi) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(viii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(o) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(v) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoài vấn đề được trình bày trong Thuyết minh 29(a), Tập đoàn không có các khoản mục bất thường nào khác có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với hai công ty con cấp 2 và nắm quyền kiểm soát một công ty (trước đây là công ty liên kết). Chi tiết của các thay đổi này được trình bày trong Thuyết minh 9 – Hợp nhất kinh doanh.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác.

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Cơ quan Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.663.794.780.489	6.166.527.937.496	966.074.683.616	726.217.296.274	482.029.199.768	309.245.682.933	-	-	7.111.898.663.873	7.201.990.916.703
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.221.477.308.497	1.299.719.780.931	238.818.920.873	108.938.717.439	42.794.279.752	47.260.147.197	(1.503.090.509.122)	(1.455.918.645.567)	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	6.885.272.088.986	7.466.247.718.427	1.204.893.604.489	835.156.013.713	524.823.479.520	356.505.830.130	(1.503.090.509.122)	(1.455.918.645.567)	7.111.898.663.873	7.201.990.916.703
Phần lãi trong công ty liên kết	257.162.263.078	227.745.141.193	-	-	-	-	-	-	257.162.263.078	227.745.141.193
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	330.498.671.302	267.648.149.862	(165.332.125.496)	(36.529.799.331)	40.317.038.066	(6.608.747.395)	104.715.065.280	60.830.698.104	310.198.649.152	285.340.301.240
Thu nhập khác	35.806.522.799	60.817.807.705	901.983.702	3.188.220.995	138.227.737	780.797.792	(4.191.656.987)	(18.400.800.657)	32.655.077.251	46.386.025.835
Chi phí khác	(15.770.744.259)	(53.965.639.167)	(670.849.844)	(1.627.211.188)	(590.097.833)	(199.428.691)	2.360.865.900	17.032.827.878	(14.670.826.036)	(38.759.451.168)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.609.309.171)	(34.356.834.188)	(230.665.983)	(600.130.479)	(1.222.473.831)	(1.419.073.090)	-	-	(25.062.448.985)	(36.376.037.757)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(46.218.818)	(33.187.646)	-	-	-	-	4.749.932	(27.661.429.701)	(41.468.886)	(27.694.617.347)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	326.878.921.853	240.110.296.566	(165.331.657.621)	(35.568.920.003)	38.642.694.139	(7.446.451.384)	102.889.024.125	31.801.295.624	303.078.982.496	228.896.220.803

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản của bộ phận	17.744.885.177.657	17.832.356.096.959	1.632.302.635.302	1.012.826.749.528	3.198.894.467.946	2.403.807.055.671	(5.043.615.053.007)	(4.087.167.336.319)	17.532.467.227.898	17.161.822.565.839
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.525.700.408.549	1.544.370.146.634	28.089.720.000	28.089.720.000	307.875.000	307.875.000	263.996.082.239	75.913.292.817	1.818.094.085.788	1.648.681.034.451
Tổng tài sản	19.270.585.586.206	19.376.726.243.593	1.660.392.355.302	1.040.916.469.528	3.199.202.342.946	2.404.114.930.671	(4.779.618.970.768)	(4.011.254.043.502)	19.350.561.313.686	18.810.503.600.290
Tổng nợ phải trả	11.041.272.205.007	10.022.097.667.559	1.637.023.396.888	1.284.815.706.866	2.075.977.022.125	1.796.090.116.611	(2.723.364.818.132)	(1.625.411.212.994)	12.030.907.805.888	11.477.592.278.042
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi tiêu vốn	725.768.326.412	910.691.128.060	10.758.737.715	17.669.823.559	324.676.643.778	74.479.769.476	(108.533.368.517)	(230.992.671.849)	952.670.339.388	771.848.049.246
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	275.701.341.054	251.054.988.862	2.621.575.213	9.618.076.005	23.887.671.211	17.766.151.240	(3.585.717.089)	(3.076.617.310)	298.624.870.389	275.362.598.797
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	3.790.685.262	3.762.246.159	-	-	-	-	-	-	3.790.685.262	3.762.246.159
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.260.888.240	1.654.294.112	-	75.242.562	60.932.946	1.171.189.970	-	(1.139.411.026)	2.321.821.186	1.761.315.618
Khấu hao bất động sản đầu tư	782.690.225	450.495.751	63.761.700	68.387.442	2.766.891.630	459.459.690	-	-	3.613.343.555	978.342.883

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hợp nhất kinh doanh****(a) Thoái vốn tại các công ty con**

Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần May Gia Phúc với giá trị ghi sổ là 5,2 tỷ VND cho các cổ đông khác, qua đó, giảm tỷ lệ biểu quyết trong Công ty Cổ phần May Gia Phúc từ 51% xuống còn 25%. Công ty Cổ phần May Gia Phúc trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

Trong kỳ, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú giảm từ 55% xuống còn 43,2% do các cổ đông của công ty con này thay đổi thỏa thuận về tỷ lệ biểu quyết. Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.898.169.127
Các khoản phải thu ngắn hạn	90.262.977.018
Hàng tồn kho	12.592.023.355
Tài sản ngắn hạn khác	21.335.077.060
Tài sản cố định	38.227.594.669
Tài sản dở dang dài hạn	2.315.397.539
Đầu tư tài chính dài hạn	692.500.000
Tài sản dài hạn khác	3.098.917.432
Nợ ngắn hạn	(143.826.800.936)
Nợ dài hạn	(96.072.000)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	28.499.783.264
Ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(16.632.962.402)
Phần tài sản thuần thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại ngày mất quyền kiểm soát	11.866.820.862
Lãi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	7.997.057.091
Giá thanh lý	19.863.877.953
Phần tài sản thuần thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sau khi mất quyền kiểm soát	(14.663.877.953)
Tiền thu được từ thoái vốn	5.200.000.000
Khoản tiền giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(3.898.169.127)
Khoản tiền thuần thu được do mất quyền kiểm soát tại công ty con	1.301.830.873

Lãi phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được hạch toán vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Thuyết minh 41).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Hợp nhất công ty con mới trong kỳ**

Ngày 19 tháng 1 năm 2016, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức, một công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 37% lên 68,5%. Công ty Cổ phần May Hiệp Đức trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn.

Giao dịch này ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày năm quyền kiểm soát với công ty con nêu trên như sau:

	Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý tại ngày năm quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.351.304.783
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.245.333.857
Hàng tồn kho	2.297.548.390
Tài sản ngắn hạn khác	168.168.242
Tài sản cố định	28.550.239.716
Tài sản dài hạn khác	963.694.615
Nợ ngắn hạn	(13.742.467.123)
Nợ dài hạn	(22.508.656.796)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	8.325.165.684
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn tại ngày năm quyền kiểm soát	3.889.623.214
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty này	-
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoản đầu tư của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức tại ngày năm quyền kiểm soát	4.355.745.816
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con mới (Thuyết minh 24)	1.754.630.970
	<hr/>
Giá mua phần sở hữu tăng thêm	10.000.000.000
Khoản tiền của công ty được hợp nhất	10.351.304.783
	<hr/>
Khoản tiền thu được thuần	351.304.783
	<hr/>

Giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần May Hiệp Đức xấp xỉ với giá trị ghi sổ tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát.

Trong giai đoạn từ ngày mua tới ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty Cổ phần May Hiệp Đức đã đóng góp 0,3 tỷ VND doanh thu và làm lỗ 2,5 tỷ VND trong kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết**

Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (“VTEC”), một công ty liên kết của Tập đoàn, đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết này từ 47,88% xuống còn 31,92%.

Giao dịch này ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn như sau:

	VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào VTEC tại ngày Tập đoàn giảm tỷ lệ sở hữu	306.500.406.821
Giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào VTEC do giảm tỷ lệ sở hữu (1)	(102.166.802.274)
Vốn cổ phần tăng thêm tại VTEC	140.000.000.000
Tăng giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào VTEC từ vốn cổ phần tăng thêm (2)	44.686.400.000
	(57.480.402.274)
	(57.480.402.274)

10. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	17.958.518.684	11.013.721.700
Tiền gửi ngân hàng	483.661.480.481	579.320.249.799
Các khoản tương đương tiền	1.945.318.742.204	1.882.098.941.756
	2.446.938.741.369	2.472.432.913.255
	2.446.938.741.369	2.472.432.913.255

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 có 68.455 triệu VND tương ứng với khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 29(a)).

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 36.069 triệu VND (1/1/2016: 195.918 triệu VND) là tiền được Ngân sách Nhà nước giải ngân cho các dự án của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo Quyết định số 992/QĐ-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2015.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm 107 tỷ VND (1/1/2016: 161 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	221.820.007.286	221.820.007.286	301.060.832.500	301.060.832.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	(*)	5.000.000	(*)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 6,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 4,8% đến 8,0%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016				1/1/2016			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
▪ Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	35,51%	35,51%	68.900.076.812	(*)	35,51%	35,51%	60.400.264.087	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	31,92%	31,92%	280.670.306.034	(*)	47,88%	47,88%	297.479.100.069	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	180.496.972.077	(*)	46,93%	46,93%	155.577.521.701	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	25.888.333.803	(*)	27,00%	27,00%	25.888.333.803	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	27,69%	27,69%	85.721.270.762	(*)	27,69%	27,69%	75.677.889.947	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	33.134.588.819	(*)	36,79%	36,79%	28.937.101.395	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	75.440.149.975	(*)	35,01%	35,01%	71.269.066.274	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.854.704.421	(*)	30,00%	30,00%	85.854.704.421	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	12,75%	25,00%	46.428.250.482	(*)	12,75%	25,00%	46.415.883.754	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	20,40%	40,00%	36.088.228.320	(*)	20,40%	40,00%	38.262.311.562	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	35,65%	306.450.598.994	(*)	18,18%	35,65%	151.764.323.142	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	24,30%	44,02%	142.806.374.535		24,30%	44,02%	142.806.374.535	
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			450.214.230.754	(*)			468.348.159.761	(*)
			1.818.094.085.788				1.648.681.034.451	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2016					1/1/2016				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (**)	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(13.194.342.000)	61.573.596.000	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(12.424.672.050)	62.343.265.950
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	1.400.415.440	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	1.541.452.540
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	1,95%	3,83%	53.163.455.345	-	(*)	1,95%	3,83%	53.163.455.345	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			199.009.740.120	(14.317.555.214)	(*)			202.693.027.297	(14.357.460.486)	(*)
			<u>367.873.248.440</u>	<u>(27.511.897.214)</u>				<u>371.556.535.617</u>	<u>(26.782.132.536)</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 291 tỷ VND (1/1/2016: 93 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.648.681.034.451	1.443.930.552.590
Tăng trong kỳ/năm	5.903.000.000	40.563.463.012
Tăng do hợp nhất các công ty liên kết mới trong kỳ/năm	-	307.875.000
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	257.162.263.078	498.259.938.877
Cổ tức được chia	(17.371.547.133)	(290.785.546.816)
Thanh lý các công ty liên kết	(30.450.566.688)	(19.935.420.802)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến giảm (Thuyết minh 9)	(57.480.402.274)	-
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát các công ty liên kết này	-	(38.985.406.946)
Tăng do hai công ty con cấp 2 chuyển thành công ty liên kết (Thuyết minh 9)	14.663.877.953	113.348.901.096
Giảm do mất quyền kiểm soát các công ty con cấp 1	-	(106.064.726.300)
Khác	(3.013.573.599)	8.041.404.740
Số dư cuối kỳ/năm	1.818.094.085.788	1.648.681.034.451

12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	208.362.990.559	209.139.075.780
Phải thu các khách hàng khác	1.891.738.616.933	2.029.084.395.330
	2.100.101.607.492	2.238.223.471.110

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 664 tỷ VND (1/1/2016: 287 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	29.487.887.473	477.511.086
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú		
– Daewon – Thủ Đức	67.678.347.656	67.594.248.784
Công ty TNHH Coats Phong Phú	60.462.851.746	75.512.228.353
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	48.674.432.952	57.514.995.089
Các công ty liên quan khác	2.059.470.732	8.040.092.468
	208.362.990.559	209.139.075.780

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

13. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ các công ty liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	169.300.000.000	106.300.000.000
▪ Các công ty liên quan khác	2.500.000.000	20.000.000.000
Phải thu về cho vay từ các công ty khác		
▪ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	32.000.000.000	68.888.460.000
▪ Các công ty khác	11.329.708.302	6.690.708.302
	215.129.708.302	201.879.168.302

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 11% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: từ 0% đến 10,5%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	6.257.945.701	6.214.145.701
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	72.053.783.868	303.008.898.091
Phải thu lãi cho vay	43.626.079.414	57.878.261.322
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	8.216.077.999	9.146.683.835
Phải thu các khoản tạm ứng	19.713.329.438	18.588.317.187
Phải thu cho mượn tài sản, nguyên vật liệu	35.436.470.683	17.379.259.439
Phải thu người lao động	10.067.886.781	1.354.500.000
Ký cược, ký quỹ	83.043.094.332	97.234.000.000
Các khoản chi hộ	35.436.470.683	15.618.412.969
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	57.500.000.000	57.500.000.000
Phải thu tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát Dự án HUD Sơn Trà	54.655.996.716	-
Đặt cọc tại Ban Quản lý Dự án Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu Công ty TNHH Phước Phát tiền chuyển nhượng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	16.145.000.000	16.145.000.000
Phải thu tiền cho thuê đất trong Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B	-	6.894.350.323
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu Công ty Cổ phần Giao thông Hồng Lĩnh tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	20.960.506.087	41.170.983.708
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	7.762.243.627	2.919.583.333
Phải thu khác	59.077.764.572	59.018.848.188
	553.495.200.991	733.613.795.186

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	4.230.339.200	14.230.339.200
Công ty TNHH Coats Phong Phú	-	161.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	149.706.138.521	100.504.243.889
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	-	12.616.500.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	40.217.760.000
Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần	-	19.710.000.000
Các công ty liên quan khác	4.772.464.179	27.852.050.957
	158.708.941.900	376.130.894.046

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	381.191.338.792	450.847.335.508
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	119.322.594.796	119.322.594.796
Ký quỹ ký cược dài hạn	9.694.159.146	7.324.227.712
Phải thu dài hạn khác	23.571.818.560	1.121.765.924
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	533.779.911.294	578.615.923.940

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án HUD Sơn Trà	-	69.655.996.716
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	92.607.870.584	92.607.870.584
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	25.102.773.208	25.102.773.208
Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	381.191.338.792	450.847.335.508

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2016			Số ngày quá hạn	1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG Phong Phú	Trên 3 năm	110.951.455.682	(110.951.455.682)	-	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	37.419.572.750	(23.914.493.474)	13.505.079.276	Trên 3 năm	37.543.029.312	(23.914.493.474)	13.628.535.838
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 2 năm	31.431.334.434	(15.748.326.169)	15.683.008.265	Trên 2 năm	31.696.652.337	(15.748.326.169)	15.948.326.168
Khác		262.011.096.639	(221.285.490.994)	42.806.565.765		264.024.984.209	(175.651.143.267)	88.373.840.942
		<u>441.813.459.505</u>	<u>(371.899.766.319)</u>	<u>71.994.653.306</u>		<u>443.894.419.625</u>	<u>(325.943.716.677)</u>	<u>117.950.702.948</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu
khó đòi – ngắn hạn

(371.899.766.319)

(325.943.716.677)

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	55.345.004.035	(647.394.977)	114.315.560.771	(647.394.977)
Nguyên vật liệu	969.038.034.989	(11.502.624.059)	910.446.852.856	(11.130.054.296)
Công cụ và dụng cụ	23.147.949.149	-	15.836.396.805	-
Sản phẩm dở dang	818.886.972.786	(135.162.804)	824.033.985.889	(1.233.146.756)
Thành phẩm	841.396.044.107	(27.100.218.143)	848.040.130.993	(27.161.964.642)
Hàng hóa	92.422.377.550	(426.641.457)	87.229.695.764	(486.095.980)
Hàng gửi đi bán	86.318.327.439	-	74.134.167.706	-
	2.886.554.710.055	(39.812.041.440)	2.874.036.790.784	(40.658.656.651)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 761 tỷ VND (1/1/2016: 895 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 70 tỷ VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2016: 106 tỷ VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**17. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	2.678.901.322.469	6.391.409.065.129	266.534.360.764	65.814.180.254	122.317.880.929	9.524.976.809.545
Tăng trong kỳ	4.048.479.388	41.699.886.846	9.431.858.558	1.514.418.090	2.833.859.075	59.528.501.957
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	100.451.158.621	577.772.335.574	3.743.584.005	2.081.879.908	2.486.768.318	686.535.726.426
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong kỳ	18.665.221.396	12.193.565.169	308.363.636	100.763.400	1.346.599.608	32.614.513.209
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	11.598.018.800	-	-	-	11.598.018.800
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(650.000.000)	-	-	-	(650.000.000)
Thanh lý	(10.660.570.627)	(89.632.364.815)	(2.385.196.209)	(1.927.747.266)	(846.241.834)	(105.452.120.751)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(11.312.851.073)	(28.861.218.848)	(729.655.819)	(469.081.442)	-	(41.372.807.182)
Số dư cuối kỳ	2.780.092.760.174	6.915.529.287.855	276.903.314.935	67.114.412.944	128.138.866.096	10.167.778.642.004

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	906.504.249.097	3.834.415.666.574	144.529.469.133	39.892.727.827	52.342.279.559	4.977.684.392.190
Khấu hao trong kỳ	60.338.335.461	215.200.944.621	12.386.557.315	3.199.550.252	7.499.482.740	298.624.870.389
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong kỳ	1.343.497.317	2.296.299.325	123.345.456	22.791.716	351.883.429	4.137.817.243
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	2.453.358.230	-	-	-	2.453.358.230
Thanh lý	(9.216.802.174)	(85.239.596.658)	(2.201.114.124)	(1.894.797.370)	(515.204.257)	(99.067.514.583)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(353.020.888)	(2.250.280.930)	(273.620.920)	(469.081.442)	-	(3.346.004.180)
Số dư cuối kỳ	958.616.258.813	3.966.876.391.162	154.564.636.860	40.751.190.983	59.678.441.471	5.180.486.919.289
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.772.397.073.372	2.556.993.398.555	122.004.891.631	25.921.452.427	69.975.601.370	4.547.292.417.355
Số dư cuối kỳ	1.821.476.501.361	2.948.652.896.693	122.338.678.075	26.363.221.961	68.460.424.625	4.987.291.722.715

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 1.929 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 1.675 tỷ VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 16 tỷ VND (1/1/2016: 9 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.058 tỷ VND (1/1/2016: 3.733 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	77.869.150.876
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	14.783.544.117
Khấu hao trong kỳ	3.790.685.262
Số dư cuối kỳ	18.574.229.379
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	63.085.606.759
Số dư cuối kỳ	59.294.921.497

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	127.138.768.908	11.917.982.515	657.415.000	139.714.166.423
Tăng trong kỳ	16.289.120.610	1.560.328.700	-	17.849.449.310
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong kỳ	-	86.100.000	-	86.100.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.720.182.000	-	1.720.182.000
Thanh lý	(620.000.000)	(55.755.000)	-	(675.755.000)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(221.250.000)	-	(221.250.000)
Số dư cuối kỳ	142.807.889.518	15.007.588.215	657.415.000	158.472.892.733
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	16.230.649.739	7.001.616.086	591.606.334	23.823.872.159
Khấu hao trong kỳ	1.384.289.818	932.290.116	5.241.252	2.321.821.186
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong kỳ	-	12.556.250	-	12.556.250
Thanh lý	(499.531.713)	(9.607.125)	-	(509.138.838)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(20.458.333)	-	(20.458.333)
Số dư cuối kỳ	17.115.407.844	7.916.396.994	596.847.586	25.628.652.424
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	110.908.119.169	4.916.366.429	65.808.666	115.890.294.264
Số dư cuối kỳ	125.692.481.674	7.091.191.221	60.567.414	132.844.240.309

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, tài sản cố định vô hình có nguyên giá 1 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	95.023.909.706	67.007.109.350	162.031.019.056
Tăng trong kỳ	316.378.364	143.818.182	460.196.546
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	650.000.000	650.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	117.815.857.897	117.815.857.897
Số dư cuối kỳ	95.340.288.070	185.616.785.429	280.957.073.499
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	16.200.464.350	8.707.985.295	24.908.449.645
Khấu hao trong kỳ	782.420.747	2.830.922.808	3.613.343.555
Số dư cuối kỳ	16.982.885.097	11.538.908.103	28.521.793.200
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	78.823.445.356	58.299.124.055	137.122.569.411
Số dư cuối kỳ	78.357.402.973	174.077.877.326	252.435.280.299

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho và nhà xưởng tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại là 28 tỷ VND (1/1/2016: 55 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này.

21. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.588.289.306.866	576.625.489.809
Tăng trong kỳ/năm	869.437.933.575	1.788.666.441.645
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(686.535.726.426)	(599.105.416.063)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.720.182.000)	(221.250.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(117.815.857.897)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(22.833.735.607)	(45.074.818.401)
Tăng do hợp nhất công ty con mới	-	-
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(2.315.397.539)	(127.727.285.278)
Thanh lý	-	(4.873.854.846)
Số dư cuối kỳ/năm	1.626.506.340.972	1.588.289.306.866

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
▪ Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Nam Định	253.935.832.124	168.030.012.763
• Nhà máy Sợi Phú Cường	376.488.198.758	316.442.844.422
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	10.907.264.792	262.300.252.185
• Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	-	97.912.389.378
• Nhà máy May Quảng Bình	29.283.246.820	648.291.111
• Nhà máy May Cần Thơ	12.694.896.722	-
• Nhà máy May Bạc Liêu	14.659.149.506	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy may	30.766.622.463	9.133.406.988
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đăk Lăk	10.462.811.613	14.861.730.952
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Kéo sợi Hưng Yên	-	186.568.117.361

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
• Dự án Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối – Giai đoạn 2	225.119.505.631	261.453.868.980
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Dự án mở rộng Nhà máy Điện Bàn	14.079.628.062	46.208.000
• Nhà xưởng may thời trang	9.880.396.553	39.843.826
• Máy móc thiết bị sợi	6.805.206.866	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đồng Văn	45.651.149.431	18.491.972.353
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	27.524.726.193	27.535.279.829
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	59.707.137.443	54.640.730.355
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	18.325.569.336	18.325.569.336
• Di dời thiết bị nhuộm và động lực	6.467.377.708	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	51.980.925.381	51.980.925.381
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
• Nhà máy sản xuất vải dệt kim	159.597.302.240	80.745.818.139
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	15.071.887.109	4.540.178.909
• Dự án 5 máy dệt khí	9.380.960.541	-
• Dự án Khăn bông và Vải denim	18.192.377.379	-
• Dự án Nhuộm sợi ngành gia dụng	6.305.326.950	-
• Phân xưởng may	127.308.513.348	619.018.572
▪ Các công trình khác	85.910.328.003	13.972.848.026
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	1.626.506.340.972	1.588.289.306.866

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 1.078 tỷ VND (1/1/2016: 300 tỷ VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 11 tỷ VND (2015: 25 tỷ VND).

22. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.985.914.224	2.285.000.733
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	12.746.524.202	9.756.786.160
Công cụ dụng cụ	5.448.001.266	3.468.970.229
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.330.836.453	7.483.473.486
	<u>25.511.276.145</u>	<u>22.994.230.608</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	9.645.504.694	200.822.471.954	40.222.035.449	150.055.863.701	3.915.262.825	10.850.507.678	17.463.226.303	28.234.710.282	461.209.582.886
Tăng trong kỳ	-	5.394.258.000	16.803.126.878	45.754.359.264	-	1.161.100.170	7.596.414.409	65.548.514.887	142.257.773.608
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	19.636.363.635	-	1.456.226.773	-	-	-	1.741.145.199	22.833.735.607
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(9.144.660.570)	-	-	-	-	(9.144.660.570)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong kỳ	-	-	-	963.694.615	-	-	-	-	963.694.615
Thanh lý	-	-	-	(1.375.237.807)	-	-	(4.074.132.695)	-	(5.449.370.502)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	-	-	(3.098.917.432)	-	-	-	-	(3.098.917.432)
Phân bổ trong kỳ	(3.486.183.585)	(5.271.793.767)	(3.296.493.726)	(38.769.495.526)	(978.815.706)	(2.615.777.772)	(5.683.361.714)	(32.006.447.867)	(92.108.369.663)
Biến động khác	-	-	-	644.137.783	-	-	-	20.642.600	664.780.383
Số dư cuối kỳ	<u>6.159.321.109</u>	<u>220.581.299.822</u>	<u>53.728.668.601</u>	<u>146.485.970.801</u>	<u>2.936.447.119</u>	<u>9.395.830.076</u>	<u>15.302.146.303</u>	<u>63.538.565.101</u>	<u>518.128.248.932</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 20 tỷ VND (1/1/2016: Không) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	8.273.716.440	8.941.954.844
Các khoản mục khác	20%	3.675.213.496	3.876.703.689
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		11.948.929.936	12.818.658.533
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Phải thu tiền đền bù, giải tỏa mặt bằng	20%	21.314.665.786	23.864.518.959
Các khoản mục khác	20%	23.864.518.959	22.142.925.497
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		45.179.184.745	46.007.444.456

24. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ	53.314.412.096
Tăng trong kỳ (Thuyết minh 9)	1.754.630.970
Số dư cuối kỳ	55.069.043.066
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	20.058.038.841
Khấu hao trong kỳ	2.716.311.045
Số dư cuối kỳ	22.774.349.886
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	33.256.373.255
Số dư cuối kỳ	32.294.693.180

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Phải trả người bán**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
▪ Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	117.571.933.074	105.936.935.422
▪ Phải trả người bán khác	860.579.719.543	1.097.554.622.574
	<hr/>	<hr/>
	978.151.652.617	1.203.491.557.996
	<hr/>	<hr/>
Phải trả người bán dài hạn		
▪ Phải trả người bán khác	21.780.241.292	21.780.241.292
	<hr/>	<hr/>

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	27.085.988.591	27.671.551.336
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	60.157.898.396	38.191.685.755
Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	11.158.154.339	7.100.882.915
Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	15.531.097.000	24.236.373.310
Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	-	2.823.799.815
Các công ty liên quan khác	3.638.794.748	5.912.642.291
	<hr/>	<hr/>
	117.571.933.074	105.936.935.422
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong kỳ VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	30/6/2016 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.946.448.512	926.348.312	-	-	5.872.796.824
Thuế xuất nhập khẩu	6.154.334.982	19.631.858.516	(6.948.877.350)	-	18.837.316.148
Thuế nhà đất	-	5.275.051.901	(4.521.688.512)	-	753.363.389
Các loại thuế khác	1.609.196.589	3.662.266.618	(3.346.140.308)	(7.601.425)	1.917.721.474
Các khoản khác phải thu Nhà nước					
Các khoản khác	1.669.654.894	27.316.000	(301.316.000)	-	1.395.654.894
	14.379.634.977	29.522.841.347	(15.118.022.170)	(7.601.425)	28.776.852.729



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	30/6/2016 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	22.683.996.551	205.854.111.894	(214.159.503.634)	-	14.378.604.811
Thuế xuất nhập khẩu	3.170.139.874	18.382.165.280	(18.825.233.544)	-	2.727.071.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.066.681.995	25.062.448.985	(27.310.071.586)	(156.307.063)	14.662.752.331
Thuế thu nhập cá nhân	10.002.751.195	13.081.683.537	(20.591.130.485)	(22.139.089)	2.471.165.158
Thuế tài nguyên	64.235.536	410.110.581	(395.678.186)	-	78.667.931
Thuế nhà đất	23.360.214.019	3.976.503.049	(13.584.717.068)	-	13.752.000.000
Tiền thuê đất	21.291.071.606	25.514.411.330	(27.022.078.097)	-	19.783.404.839
Các loại thuế khác	4.167.236.290	2.849.401.612	(2.506.980.645)	-	4.509.657.257
Các khoản phải nộp khác					
Các khoản khác	161.822.641	-	-	-	161.822.641
	101.968.149.707	295.130.836.268	(324.395.393.245)	(178.446.152)	72.525.146.578

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.327.131.281	15.634.571.661
Chi phí hoạt động	20.221.983.891	19.544.661.980
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	95.395.115.431	95.395.115.431
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	2.177.136.980	18.274.379.066
Chi phí cải tạo, sửa chữa	14.239.844.220	15.709.968.145
Chi phí gia công thuê ngoài	9.706.961.828	1.151.606.813
Chi phí giải phóng mặt bằng	-	3.000.000.000
Phí hoa hồng	6.780.848.174	3.456.281.760
Chi phí phải trả khác	14.702.676.102	15.774.559.976
	<hr/>	<hr/>
	190.551.697.907	187.941.144.832
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	191.500.369.907	188.889.816.832

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	27.985.824.000	28.460.160.000
Chi phí phải trả khác	219.423.822	1.282.923.822
	<hr/>	<hr/>
	28.205.247.822	29.743.083.822
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
	27.256.575.822	28.794.411.822

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	239.824.526.248	117.549.854.235
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(10.749.397.318)	(6.833.858.515)
	<hr/>	<hr/>
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	229.075.128.930	110.715.995.720
	<hr/>	<hr/>

29. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	41.593.374.298	23.019.880.593
Phải trả về cổ phần hóa	5.681.953.710	5.762.899.011
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	708.772.166	363.875.746
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản		
tồn đọng của doanh nghiệp	18.262.973.962	17.627.731.759
Phải trả lãi vay khác	43.971.773.898	27.011.838.070
Phải trả cổ tức	286.347.317.738	27.619.916.234
Quỹ từ thiện	5.079.670.465	3.551.073.470
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn		
cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở		
rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN	68.455.091.012	68.455.091.012
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	4.137.231.441	4.672.021.554
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	-	14.984.617.189
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	54.477.154.476	54.477.154.476
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển		
doanh nghiệp (*)	364.061.259.133	369.532.259.133
Các khoản phải trả khác	74.973.530.433	67.137.233.311
	<hr/>	<hr/>
	967.750.102.732	684.215.591.558
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát	45.000.000.000	45.000.000.000
Nhận góp vốn dài hạn	9.776.000.000	9.776.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	457.772.730	663.098.840
	<hr/>	<hr/>
	55.233.772.730	55.439.098.840
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.840.827.710.301	3.840.827.710.301	5.800.910.287.391	(5.667.642.126.846)	3.974.095.870.846	3.974.095.870.846
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	25.259.133.930	25.259.133.930	151.463.843.198	(25.259.133.930)	151.463.843.198	151.463.843.198
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	18.370.842.424	18.370.842.424	-	(8.248.870.098)	10.121.972.326	10.121.972.326
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	258.990.000	258.990.000	-	(258.990.000)	-	-
	3.884.716.676.655	3.884.716.676.655	5.952.374.130.589	(5.701.409.120.874)	4.135.681.686.370	4.135.681.686.370

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, trong khoản vay ngắn hạn có 1.748 tỷ VND (1/1/2016: 1.671 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, bất động sản đầu tư, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tổng cộng là 1.910 tỷ VND (1/1/2016: 1.550 tỷ VND). Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,2% đến 9% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: từ 1,5% đến 11,0%) một năm.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,5% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: từ 1,8% đến 11,5%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	4.382.658.266.080	3.730.641.728.608
Trái phiếu thường (ii)	314.000.000.000	500.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	21.113.613.739	25.989.622.795
Nợ dài hạn khác	-	8.627.997.941
	<hr/>	<hr/>
	4.717.771.879.819	4.265.259.349.344
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(161.585.815.524)	(43.888.966.354)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.556.186.064.295	4.221.370.382.990

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, trong khoản vay dài hạn có 4.267 tỷ VND (1/1/2016: 3.667 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, bất động sản đầu tư, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 5.097 tỷ VND (1/1/2016: 4.012 tỷ VND). Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất từ 2,88% đến 11,0% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: từ 2,0% đến 13,5%) một năm.

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 3,0% đến 11,0% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: từ 3,0% đến 11,8%) một năm.

Trong khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.377 tỷ VND (1/1/2016: Không VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	314.000.000.000	500.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				314.000.000.000	500.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 164 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 215 tỷ VND). Theo các điều khoản của trái phiếu đã phát hành, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể thỏa thuận với các nhà đầu tư để mua lại các trái phiếu này trước ngày đáo hạn.

31. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	117.290.115.751	4.717.381.547	122.007.497.298
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(224.554.954)	(1.542.284.054)	(1.766.839.008)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(1.017.381.547)	(1.017.381.547)
Số dư cuối kỳ	117.065.560.797	2.157.715.946	119.223.276.743
Ngắn hạn	-	2.157.715.946	2.157.715.946
Dài hạn	117.065.560.797	-	117.065.560.797
	117.065.560.797	2.157.715.946	119.223.276.743

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	133.278.587.996	129.390.455.110
Trích lập trong kỳ/năm	55.370.803.450	52.307.285.638
Tăng do hợp nhất công ty con mới	-	5.932.527.126
Sử dụng trong kỳ/năm	(38.280.860.806)	(52.640.524.438)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(1.711.155.440)
Số dư cuối kỳ/năm	150.368.530.640	133.278.587.996

33. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	4.299.595.911.499	-	770.234.193.045	(384.521.527.365)	388.519.949.500	10.735.145.017	212.848.004.910	2.760.607.380	1.612.907.276.735	6.913.079.560.721	43.125.910.033	6.956.205.470.754
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	25.851.656.100	25.851.656.100	-	25.851.656.100
Biến động thuần của cổ phiếu quỹ	-	-	4.895.986.779	-	-	-	-	-	8.149.013.221	13.045.000.000	-	13.045.000.000
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	359.380.198	359.380.198	457.059.741	816.439.939
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	174.630.161.397	-	54.266.059.406	228.896.220.803	-	228.896.220.803
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	32.231.696.551	358.315.136	(61.670.111.535)	-	(18.399.773.881)	(47.479.873.729)	-	(47.479.873.729)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(51.681.732)	-	-	(1.094.963.497)	(1.146.645.229)	(1.837.483.094)	(2.984.128.323)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(93.205.554.766)	(93.205.554.766)	-	(93.205.554.766)
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	29.911.650.892	(730.315.739.393)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	216.194.101.771	216.194.101.771	-	216.194.101.771
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phi khoản đầu tư của công ty con cấp 1 khi mua công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	(91.323.789.068)	(91.323.789.068)	-	(91.323.789.068)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	14.279.688.098	-	-	-	-	(202.426.738.075)	(188.147.049.977)	-	(188.147.049.977)
Chênh lệch phát sinh khi Tập đoàn thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	-	-	16.800.000.000	16.800.000.000	-	16.800.000.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	33.179.429	-	-	-	(1.458.412.527)	-	2.663.070.337	1.237.837.239	-	1.237.837.239
Số dư tại ngày 30/6/2015	5.000.000.000.000	29.911.650.892	44.847.619.860	(370.241.839.267)	420.751.646.051	11.041.778.421	324.349.642.245	2.760.607.380	1.530.739.738.481	6.994.160.844.063	41.745.486.680	7.035.906.330.743
Số dư tại ngày 1/1/2016	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(748.765.581.042)	421.021.002.398	10.944.352.367	563.486.264.926	497.352.336.562	1.475.284.041.971	7.291.482.698.813	41.428.623.435	7.332.911.322.248
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	27.471.554.000	27.471.554.000	-	27.471.554.000
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	54.496.650.079	-	54.496.650.079	433.456.788	54.930.106.867
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	157.498.096.453	-	145.580.886.043	303.078.982.496	-	303.078.982.496
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	38.059.424.067	140.656.157	(75.165.690.312)	-	(18.405.193.362)	(55.370.803.450)	-	(55.370.803.450)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(51.681.732)	-	-	(122.318.268)	(174.000.000)	(1.906.792.534)	(2.080.792.534)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(131.634.493.926)	(381.634.493.926)	-	(381.634.493.926)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	4.435.542.470	4.435.542.470	-	4.435.542.470
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phi khoản đầu tư của công ty con cấp 1 khi mua công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.355.745.816)	(4.355.745.816)	-	(4.355.745.816)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(16.632.962.402)	(16.632.962.402)	-	(16.632.962.402)
Chênh lệch phát sinh khi Tập đoàn thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(11.147.791.243)	-	61.947.791.243	50.800.000.000	-	50.800.000.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	(17.044.601)	4.870.800.000	(101.839.593)	-	87.812.451	(176.057.300)	1.437.126.888	6.100.797.845	-	6.100.797.845
Số dư tại ngày 30/6/2016	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.231.586.138	(743.894.781.042)	458.978.586.872	11.033.326.792	384.758.692.275	551.672.929.341	1.545.006.228.841	7.279.698.220.109	39.955.287.689	7.319.653.507.798

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	30/6/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	82.561.900	825.619.000.000	16,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

35. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 6 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2015 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

37. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con để giải ngân cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

38. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	15.914.935.013	20.538.289.646
Trong vòng hai đến năm năm	30.036.040.328	37.551.879.227
Sau năm năm	22.747.252.890	22.621.577.460
	68.698.228.231	80.711.746.333

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	122.911.870.897	45.148.146.317
Vật tư hàng hóa nhận ký gửi, cầm cố, thế chấp	584.439.980	655.346.580
	123.496.310.877	45.803.492.897

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	7.271.047	162.025.151.112	8.304.296	186.372.340.046
JPY	178.977	34.669.116	178.977	33.280.773
EUR	3.686	91.146.145	3.899	95.484.082
		<u>162.150.966.373</u>		<u>186.501.104.901</u>

(d) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			12.875.760.918	12.875.760.918
			<u>23.289.932.361</u>	<u>23.289.932.361</u>

(e) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	218.900.000.000	576.991.272.591
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	528.781.433.831	155.761.701.033
	<u>747.681.433.831</u>	<u>732.752.973.624</u>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	6.993.059.931.166	7.025.976.859.772
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	106.691.363.888	155.042.378.163
▪ Bán bất động sản	-	27.201.895.450
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	23.751.338.138	4.670.788.780
	<hr/> 7.123.502.633.192	<hr/> 7.212.891.922.165
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(9.090.860.370)	(6.731.191.465)
▪ Giảm giá hàng bán	(255.519.587)	(1.364.510.809)
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.257.589.362)	(2.805.303.188)
	<hr/> (11.603.969.319)	<hr/> (10.901.005.462)
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 7.111.898.663.873	<hr/> <hr/> 7.201.990.916.703

40. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	6.241.802.464.254	6.243.346.165.616
▪ Dịch vụ đã cung ứng	37.621.734.301	34.153.669.937
▪ Bán bất động sản	-	25.338.627.133
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	8.108.686.503	794.779.030
▪ Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	436.876.894	(1.557.740.865)
	<hr/> 6.287.969.761.952	<hr/> 6.302.075.500.851

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***41. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	60.693.023.327	78.000.729.092
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.843.606.080	9.866.000.433
Lãi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	7.997.057.091	115.334.041.986
Cổ tức được chia	31.989.422.660	17.059.242.308
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.848.776.500	18.164.706.769
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.057.767.610	39.243.545
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.053.120.810	5.113.461.177
	<hr/>	<hr/>
	149.482.774.078	243.577.425.310
	<hr/>	<hr/>

42. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	175.604.847.256	167.874.041.685
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	9.279.171.625	2.549.361.403
Lỗ do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	57.320.489.378
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	57.480.402.274	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.697.128.442	34.152.025.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.596.660.491	41.420.954.206
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	796.821.808	30.748.536
Lãi do thanh toán chậm	-	851.365.760
Chi phí tài chính khác	1.551.891.855	440.601.977
	<hr/>	<hr/>
	267.006.923.751	304.639.588.025
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***43. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	24.049.274.816	69.484.606.394
Chi phí công cụ và dụng cụ	5.177.532.231	8.080.281.948
Chi phí khấu hao và hao mòn	291.397.513	1.773.238.169
Chi phí vận chuyển	47.048.597.849	58.872.770.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.534.153.504	102.041.548.555
Chi phí bao bì	22.210.793.973	13.498.339.178
Chi phí hoa hồng	5.478.022.370	7.597.950.780
Chi phí xuất nhập khẩu	1.787.733.435	934.228.430
Chi phí bán hàng khác	27.030.379.836	40.863.565.977
	<hr/>	<hr/>
	221.607.885.527	303.146.529.788

44. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	187.748.029.063	175.652.221.788
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.513.563.785	8.987.350.345
Chi phí khấu hao và hao mòn	28.029.089.083	32.557.597.178
Dự phòng phải thu khó đòi	46.098.545.977	127.034.310.044
Thuế, phí và lệ phí	21.715.410.170	18.803.540.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.477.915.877	44.912.734.870
Tiền thuê đất	12.619.711.178	13.248.346.267
Công tác phí	6.634.119.805	5.793.783.531
Chi phí tiếp khách	13.429.351.576	7.694.900.329
Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe	4.088.865.938	3.078.512.484
Trợ cấp mất việc	1.874.247.808	7.400.892.720
Chi phí khác	30.531.630.387	32.947.373.504
	<hr/>	<hr/>
	431.760.480.647	478.111.563.302

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***45. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	18.578.595.770	5.770.812.551
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	176.433.048	11.471.366.114
Bán phế liệu	567.875.509	1.493.212.401
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.404.424.777	7.550.899.210
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.017.260.000	1.085.937.414
Tiền hỗ trợ xuất khẩu	-	2.035.875.162
Nợ phải trả được xóa	-	5.087.863.683
Các khoản khác	8.910.488.147	11.890.059.300
	<hr/>	<hr/>
	32.655.077.251	46.386.025.835
	<hr/>	<hr/>

46. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lỗ do thanh lý, xóa sổ tài sản cố định	6.384.606.168	3.853.872.568
Chi phí phân bổ tiền thuê đất Nhà máy Sợi Phú Xuyên	-	3.710.002.734
Phạt vi phạm thuế	281.009.376	166.485.073
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	537.935.810	1.458.526.403
Chi phí giải phóng mặt bằng	-	7.191.091.618
Chi phí hoạt động cấp điện và nước và các dịch vụ khác	3.149.088.834	3.769.940.311
Chi phí của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú liên quan đến các dự án đầu tư	-	10.000.000.000
Các khoản khác	4.318.185.848	8.609.532.461
	<hr/>	<hr/>
	14.670.826.036	38.759.451.168
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

47. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.062.907.557.093	4.214.503.906.846
Chi phí nhân công	1.357.680.913.236	1.282.755.005.924
Chi phí khấu hao	317.317.640.910	284.116.109.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.006.266.225.739	982.977.876.908
Chi phí khác	247.867.715.680	503.519.516.280

48. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	25.018.479.861	36.376.037.757
Dự phòng thiếu trong những năm trước	43.969.124	-
	25.062.448.985	36.376.037.757
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	41.468.886	27.694.617.347
	25.103.917.871	64.070.655.104

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	328.182.900.367	292.966.875.907
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	65.636.580.073	64.452.712.700
Ưu đãi thuế	(1.749.535.863)	(1.484.009.324)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(3.871.193.726)	(5.094.718.581)
Chi phí không được khấu trừ thuế	13.568.278.850	489.507.169
Thu nhập không bị tính thuế	(57.830.337.148)	(7.895.869.711)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(7.130.376.024)	(7.380.999.558)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	16.436.532.585	20.984.032.409
Dự phòng thiếu trong những năm trước	43.969.124	-
	25.103.917.871	64.070.655.104

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%).

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***49. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông (*)	157.498.096.453	174.630.161.397
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	500.000.000	500.000.000
	315	349

- (*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***50. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo		
Cổ tức năm 2014	4.870.800.000	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	61.366.515.950	54.449.096.653
Bán hàng hóa	148.372.345.354	138.221.844.280
Thu nhập cổ tức	3.952.594.667	37.883.078.906
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
Mua hàng hóa	-	13.730.121.580
Bán hàng hóa	29.177.724.503	16.684.890.352
Nhận hoàn trả khoản vay	-	6.827.094.862
Thu nhập lãi cho vay	3.147.841.666	3.130.545.832
Lợi nhuận tạm ứng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	36.846.527.777	-
Cho vay	63.000.000.000	-
Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.935.182.219	18.945.919.273
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.328.601.001	2.765.961.776
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.133.415.859	4.961.797.868
Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.479.754.424	714.303.160
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	736.799.000
Công ty Cổ phần Dệt Quảng Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	81.606.805.190	111.227.809.753
Mua hàng hóa và dịch vụ	158.919.152.610	166.929.396.037
Cổ tức	3.600.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	774.881.728	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	803.000.000	777.450.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	453.139.035

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.985.847.483	451.060.625
Mua hàng hóa và dịch vụ	21.171.714.200	22.208.143.144
Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	509.354.973	795.777.105
Mua hàng hóa và dịch vụ	743.589.696	5.171.230.322
Thu nhập cổ tức	231.800.000	185.440.000
Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	14.986.201.326
Thu nhập cổ tức	-	865.977.000
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Thu nhập cổ tức	8.252.499.900	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.414.145.166	1.689.488.924
Mua hàng hóa và dịch vụ	13.324.101	174.100.972
Thu nhập cổ tức	-	4.181.181.860
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Chi phí lãi vay	166.873.409	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn		
Cổ tức	700.000.000	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.855.469.920	-
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	17.749.411.473	-
Mua hàng hóa	650.157.254	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư		
Chi phí lãi vay	6.284.027.029	-
Công ty Cổ phần VTD Hiệp Đức		
Mua hàng hóa	-	5.504.644.608
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao đã trả	1.155.230.000	1.362.454.367

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

51. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc thoái vốn và hợp nhất công ty con mới, như trình bày tại Thuyết minh 9, Tập đoàn còn có các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Nguyên giá của tài sản cố định do Tập đoàn nhận được thông qua hình thức thuê tài chính		- 20.037.403.056
Tăng chênh lệch đánh giá lại tài sản do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa	4.870.800.000	-
	<hr/>	

Ngày 30 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đặng Thị Hải
Chuyên viên kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng giám đốc

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
1	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	100%	100%	173.199.296.963	173.199.296.963	-	-
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
3	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100%	100%	164.474.782.024	164.474.782.024	-	-
4	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,95%	80,95%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
5	Công ty CP Sợi Phú Bài	66,51%	66,51%	26.922.700.000	26.922.700.000	11.081.560.000	11.081.560.000
6	Công ty CP Phát Triển Hạ Tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
7	Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ (i)	64,96%	68,21%	107.424.820.000	107.424.820.000	-	-
8	Công ty CP Len Việt Nam	68,77%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
9	Công ty CP Sản xuất XNK Dệt May	68,34%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
10	Công ty CP Dệt May Huế	65,54%	65,54%	32.768.330.000	32.768.330.000	-	-
11	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
12	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
13	Công ty CP Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
14	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	37.275.000.000	37.275.000.000	-	-
15	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	68,86%	68,86%	37.200.000.000	37.200.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
16	Tổng Công ty CP Phong Phú	51,00%	51,00%	374.087.960.000	374.087.960.000	-	-
17	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (ii)	100%	0%	75.015.910.163	-	-	-

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Tổng Công ty này.
- (ii) Đây là công ty con mới thành lập trong kỳ.



Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
Công ty con của Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3									
1	Công ty CP Dệt kim Vinatex	83,46%	83,46%	60,51%	60,51%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000
2	Công ty CP Vinatex Quốc tế (i)	56,49%	65,47%	56,49%	65,47%	45.500.000.000	45.500.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ									
3	Công ty CP Thời trang Hòa Thọ (ii)	49,94%	52,44%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
4	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam (ii)	20,88%	21,92%	32,14%	32,14%	6.428.000.000	6.428.000.000	-	-
5	Công ty May Hòa Thọ - Hội An (ii)	35,19%	36,95%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	4.063.500.000	-	-
6	Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên (ii)	53,09%	40,51%	81,73%	59,40%	8.173.000.000	2.673.000.000	-	-
7	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ (iii)	64,96%	-	100%	-	2.000.000.000	-	-	-
8	Công ty CP May Hiệp Đức (iv)	44,50%	25,24%	68,50%	37,00%	13.700.000.000	3.700.000.000	-	-
9	Công ty CP Hòa Thọ Thăng Bình (ii)	33,13%	36,55%	51,00%	53,59%	13.700.000.000	1.550.000.000	13.920.000.000	-
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội									
10	Cty CP Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
11	Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
12	Công ty CP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
13	Công ty CP May Halotexco	44,62%	44,62%	53,64%	53,64%	1.877.500.000	1.877.500.000	1.100.000.000	1.100.000.000
14	Công ty CP May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,01%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
15	Công ty TNHH MTV Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
16	Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	6.920.000.000	13.039.194.560	-	-
17	Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam	30,65%	30,65%	100%	100%	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định									
18	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.836.200.000	2.836.200.000	-	-
19	Công ty CP Chăn Len Nam Định	47,11%	47,11%	87,78%	87,78%	10.513.260.000	10.513.260.000	-	-
20	Công ty CP May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	2.673.000.000	2.673.000.000	-	-
21	Công ty CP Dệt Khăn Dệt May Nam Định	46,34%	46,34%	86,34%	86,34%	4.317.000.000	4.317.000.000	-	-
22	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	48,78%	48,78%	90,88%	90,88%	27.264.000.000	27.264.000.000	-	-
23	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	47,77%	47,77%	89,00%	89,00%	4.450.000.000	4.450.000.000	-	-
24	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	42,22%	42,22%	78,65%	78,65%	4.326.000.000	4.326.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
Công ty con của Công ty CP Bông Việt Nam									
25	Công ty CP Bông Tây Nguyên	29,80%	29,80%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
26	Công ty CP Bông Vải Miền Trung	43,03%	43,26%	49,81%	49,81%	4.550.000.000	4.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
27	Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	29,70%	29,70%	54,00%	54,00%	10.800.780.000	10.800.780.000	-	-
Công ty con của Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex									
28	Công ty CP May Nam An	32,81%	32,81%	64,33%	64,33%	15.440.000.000	15.440.000.000	-	-
29	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	38,25%	38,25%	75,00%	75,00%	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
30	Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà	40,80%	40,80%	80,00%	80,00%	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-
31	Công ty TNHH May Vinatex Bồng Sơn	51,00%	51,00%	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty CP Phong Phú									
32	Công ty CP Dệt Đông Nam	31,10%	31,10%	60,99%	60,99%	36.817.040.000	36.817.040.000	-	-
33	Công ty CP Dệt May Nha Trang (v)	26,50%	37,53%	51,97%	73,59%	96.143.750.000	136.143.750.000	-	-
34	Công ty CP Đầu tư Khánh Phú (v)	18,17%	25,73%	35,63%	50,46%	4.362.000.000	4.362.000.000	-	-
35	Công ty Thương mại và Sản xuất Phú Trà	30,98%	30,98%	60,74%	60,74%	23.091.000.000	23.091.000.000	-	-
36	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú (vi)	-	31,48%	-	55,00%	-	6.157.203.600	-	1.854.000.000
37	Công ty May mặc Gia Phú (vi)	-	26,01%	-	51,00%	-	10.200.000.000	-	-
38	Công ty TNHH Linen Supply	30,60%	-	60,00%	60,00%	19.098.000.000	19.098.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

- (i) Trong kỳ, Công ty CP Vinatex Quốc tế đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn.
- (ii) Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty mẹ trực tiếp của các công ty này là Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ giảm.
- (iii) Đây là công ty con mới thành lập trong kỳ.
- (iv) Đây là một công ty liên kết của Tập đoàn trong kỳ trước và được chuyển thành công ty con trong kỳ.
- (v) Trong kỳ, Tổng Công ty CP Phong Phú đã thanh lý một phần của khoản đầu tư vào Công ty CP Dệt May Nha Trang cho các cổ đông không kiểm soát, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty CP Dệt May Nha Trang và công ty con của công ty này là Công ty CP Đầu tư Khánh Phú.
- (vi) Đây là các công ty con được chuyển thành các công ty liên kết trong kỳ.

Phụ lục 3

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	36,79%	36,79%	22.740.680.000	22.740.680.000
3	Công ty CP May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty CP May Bình Minh	25,00%	25,00%	9.450.000.000	9.000.000.000
5	Công ty CP May Phương Đông (i)	-	25,50%	-	9.180.000.000
6	Công ty CP May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	27.508.330.000	27.508.330.000
7	Công ty CP May Đồng Nai	25,65%	25,65%	5.331.680.000	15.331.680.000
8	Công ty CP Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
9	Công ty CP May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
10	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	6.000.000.000
11	Công ty CP May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	12.621.000.000	10.818.000.000
12	Công ty CP May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
13	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
14	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
15	Tổng Công ty CP May Việt Tiến (ii)	31,92%	47,88%	134.059.200.000	134.059.200.000
16	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
17	Tổng Công ty May 10 - CTCP	35,51%	35,51%	35.511.800.000	35.511.800.000
18	Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.346.535.875	85.346.535.875
19	Công ty CP Dệt May Liên Phương	30,77%	30,77%	95.877.720.000	95.877.720.000
20	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinatex (i)	-	44,16%	-	7.918.626.154
Công ty liên kết của Công ty cổ phần Vinatex Quốc tế					
21	Công ty TNHH Dệt May Vinatex Quốc Tế Toms	23,97%	23,97%	27.677.160.000	27.677.160.000

Phụ lục 3

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
Công ty liên kết của Tổng Công Ty CP Dệt may Nam Định					
22	Công ty CP May 1 Dệt Nam Định	22,45%	22,45%	2.007.500.000	2.007.500.000
23	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	26,92%	26,92%	31.100.000.000	31.100.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội					
24	Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Sợi Phú Bài					
25	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	31,92%	31,92%	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam					
26	Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh	18,57%	18,57%	8.500.000.000	8.500.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Phong Phú					
27	Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	18,18%	106.691.335.644	106.691.335.644
28	Công ty CP đầu tư phát triển Phong Phú	12,75%	12,75%	46.425.000.000	46.425.000.000
29	Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,97%	10,97%	10.000.000.000	10.000.000.000
30	Công ty CP May Đà Lạt	20,40%	20,40%	4.231.000.000	4.231.000.000
31	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	17,85%	17,85%	3.500.000.000	3.500.000.000
32	Công ty CP Dệt May Quảng Phú	20,40%	20,40%	36.000.000.000	36.000.000.000
33	Công ty CP phát triển Nhà và Đầu tư Đô thị Phú Quốc	13,56%	13,56%	17.700.000.000	17.700.000.000
34	Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	24,30%	24,30%	144.586.200.608	144.586.200.608
35	Công ty CP Phát triển Phong Phú Lăng Cô	19,59%	19,59%	7.299.000.000	7.299.000.000
36	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	24,22%	-	8.011.203.600	-
37	Công ty CP may Gia Phúc	12,75%	-	5.000.000.000	-

- (i) Đây là các công ty liên kết được thanh lý trong kỳ.
- (ii) Trong kỳ, Tổng Công ty CP May Việt Tiến đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn.
- (iii) Đây là các công ty liên kết được chuyển từ các công ty con trong kỳ.

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không trọng yếu

STT	Tên đơn vị
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	
1	Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân Tạo

Phụ lục 5

Công ty con mà Tập đoàn đã mất quyền kiểm soát trong kỳ

STT	Tên đơn vị
1	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú
2	Công ty CP may Gia Phúc

